

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II – ĐỀ SỐ 1**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 – KẾT NỐI TRI THỨC****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì II của chương trình sách giáo khoa KHTN 6.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận KHTN 6.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì II – chương trình KHTN 6.

Câu 1: Cây trồng nào sau đây **không** được xem là cây lương thực?

- A. Cây lúa. B. Cây ngô. C. Cây lúa mì. D. Cây nho.

Câu 2: Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

- A. Gạo. C. Rau xanh.
B. Thịt. D. Gạo và rau xanh.

Câu 3: Ngô, khoai sắn cung cấp chất dinh dưỡng nào nhiều nhất cho cơ thể?

- A. Carbohydrate (chất đường, bột). C. Protein (chất đạm)
B. Lipit (chất béo). D. Vitamin.

Câu 4: Nhận xét nào sau đây là **không đúng** về thực phẩm?

- A. Thực phẩm tự nhiên có nguồn gốc từ động vật, thực vật.
B. Cá là thực phẩm tự nhiên.
C. Thực phẩm cung cấp các chất dinh dưỡng cho cơ thể.
D. Thực phẩm không bị biến đổi tính chất khi để lâu ngoài không khí.

Câu 5: Một trong những tính chất nào sau đây cho biết chất lỏng là tinh khiết?

- A. Không tan trong nước.
B. Có vị ngọt, mặn, chua.
C. Không màu, không mùi, không vị.
D. Khi đun chất sôi ở nhiệt độ nhất định và chất hoá rắn ở nhiệt độ không đổi.

Câu 6: Hỗn hợp được tạo ra từ

- A. nhiều nguyên tử. C. một chất.

B. nhiều chất trộn lẫn vào nhau.

D. nhiều chất để riêng biệt.

Câu 7: Chọn cụm từ còn thiếu ở nhận định sau: “Chất tinh khiết có tính chất...”.

A. vật lý và hoá học nhất định.

C. vật lý nhất định, hoá học thay đổi.

B. thay đổi.

D. hoá học nhất định, vật lý thay đổi.

Câu 8: Không khí là

A. chất tinh khiết.

C. tập hợp các vật thể.

B. hỗn hợp.

D. tập hợp các vật chất.

Câu 9: Đặc điểm nào dưới đây không phải của giới Nấm?

A. Nhân thực

C. Đơn bào hoặc đa bào

B. Dị dưỡng

D. Có sắc tố quang hợp

Câu 10: Vòng cuống nấm và bao gốc nấm là đặc điểm có ở loại nấm nào?

A. Nấm độc

C. Nấm mốc

B. Nấm đơn bào

D. Nấm ăn được

Câu 11: Loại nấm nào dưới đây được sử dụng để sản xuất rượu vang?

A. Nấm hương

B. Nấm cóc

C. Nấm men

D. Nấm mốc

Câu 12: Loại nấm nào được sử dụng để sản xuất penicillin?

A. Nấm men

B. Nấm cóc

C. Nấm mốc

D. Nấm sò

Câu 13: Con đường nào dưới đây không phải là con đường lây truyền các bệnh do nấm?

A. Vệ sinh cá nhân chưa đúng cách

C. Truyền dọc từ mẹ sang con

B. Tiếp xúc trực tiếp với mầm bệnh

D. Ô nhiễm môi trường

Câu 14: Khi trồng nấm rơm, người ta thường chọn vị trí có điều kiện như thế nào?

A. Nơi quang đãng, có ánh sáng mạnh

B. Nơi ẩm ướt, không cần ánh sáng

C. Nơi khô ráo, có ánh sáng trực tiếp

D. Nơi thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp

Câu 15: Đại diện nào dưới đây không thuộc ngành Thực vật?

A. Rêu tường

B. Tảo lục

C. Dương xỉ

D. Rong đuôi chó

Câu 16: Cây rêu thường mọc ở nơi có điều kiện như thế nào?

A. Nơi khô ráo

C. Nơi thoáng đãng

B. Nơi ẩm ướt

D. Nơi nhiều ánh sáng

Câu 17: Loại thực vật nào dưới đây có chứa chất độc gây hại đến sức khỏe của con người?

A. Cây trúc đào

C. Cây tam thất

B. Cây gọng vó

D. Cây giáo cổ lam

Câu 18: Cơ quan sinh sản của ngành Hạt trần được gọi là gì?

A. Bào tử

B. Nón

C. Hoa

D. Rễ

Câu 19: Hành động nào dưới đây góp phần bảo vệ thực vật?

A. Du canh du cư

C. Trồng cây gây rừng

B. Phá rừng làm nương rẫy

D. Xây dựng các nhà máy thủy điện

Câu 20: Ở dương xỉ, ấu túi bào tử thường nằm ở đâu?

A. Trên đỉnh ngọn

C. Mặt trên của lá

B. Trong kẽ lá

D. Mặt dưới của lá

----- Hết -----

Chọn A.

Câu 4: Nhận xét nào sau đây là **không đúng** về thực phẩm?

- A. Thực phẩm tự nhiên có nguồn gốc từ động vật, thực vật.
- B. Cá là thực phẩm tự nhiên.
- C. Thực phẩm cung cấp các chất dinh dưỡng cho cơ thể.
- D. Thực phẩm không bị biến đổi tính chất khi để lâu ngoài không khí.

Phương pháp giải:

Lương thực, thực phẩm dễ bị hư hỏng, nhất là trong môi trường nóng, ẩm. Khi đó, chúng sinh ra những chất độc, có hại cho sức khỏe.

Lời giải chi tiết:**Chọn D.**

Câu 5: Một trong những tính chất nào sau đây cho biết chất lỏng là tinh khiết?

- A. Không tan trong nước.
- B. Có vị ngọt, mặn, chua.
- C. Không màu, không mùi, không vị.
- D. Khi đun chất sôi ở nhiệt độ nhất định và chất hoá rắn ở nhiệt độ không đổi.

Phương pháp giải:

Chất tinh khiết được tạo ra từ một chất duy nhất. Mỗi chất tinh khiết đều có thành phần hóa học và tính chất nhất định.

Chất tinh khiết có thể là chất lỏng, chất rắn hoặc chất khí.

Lời giải chi tiết:**Chọn D.**

Câu 6: Hỗn hợp được tạo ra từ

- | | |
|----------------------------------|------------------------------|
| A. nhiều nguyên tử. | C. một chất. |
| B. nhiều chất trộn lẫn vào nhau. | D. nhiều chất để riêng biệt. |

Phương pháp giải:

Hỗn hợp được tạo ra khi hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau.

Lời giải chi tiết:**Chọn B.**

Câu 7: Chọn cụm từ còn thiếu ở nhận định sau: “Chất tinh khiết có tính chất...”.

- | | |
|---------------------------------|--|
| A. vật lý và hoá học nhất định. | C. vật lý nhất định, hoá học thay đổi. |
|---------------------------------|--|

B. thay đổi.

D. hoá học nhất định, vật lý thay đổi.

Phương pháp giải:

Chất tinh khiết có tính chất vật lí và hóa học nhất định.

Lời giải chi tiết:

Chọn A.

Câu 8: Không khí là

A. chất tinh khiết.

C. tập hợp các vật thể.

B. hỗn hợp.

D. tập hợp các vật chất.

Phương pháp giải:

Không khí chứa nhiều loại khí khác nhau như oxygen, carbon dioxide, N₂ ...

Lời giải chi tiết:

Không khí là hỗn hợp.

Chọn B.

Câu 9: Đặc điểm nào dưới đây không phải của giới Nấm?

A. Nhân thực

C. Đơn bào hoặc đa bào

B. Dị dưỡng

D. Có sắc tố quang hợp

Phương pháp giải:

Nấm là những sinh vật nhân thực, đơn bào hoặc đa bào, sống dị dưỡng.

Lời giải chi tiết:

Chọn D.

Câu 10: Vòng cuống nấm và bao gốc nấm là đặc điểm có ở loại nấm nào?

A. Nấm độc

C. Nấm mốc

B. Nấm đơn bào

D. Nấm ăn được

Phương pháp giải:

Nấm độc thường có màu sắc sặc sỡ, có vòng cuống nấm và bao gốc nấm.

Lời giải chi tiết:

Chọn A.

Câu 11: Loại nấm nào dưới đây được sử dụng để sản xuất rượu vang?

A. Nấm hương

B. Nấm cóc

C. Nấm men

D. Nấm mốc

Phương pháp giải:

Người ta sử dụng nấm men để lên men các trái nho để phục vụ cho việc sản xuất rượu vang.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 12: Loại nấm nào được sử dụng để sản xuất penicillin?

- A. Nấm men B. Nấm mốc C. Nấm mốc D. Nấm sò

Phương pháp giải:

Loại nấm được sử dụng để sản xuất penicillin là nấm mốc Penicillium.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 13: Con đường nào dưới đây không phải là con đường lây truyền các bệnh do nấm?

- A. Vệ sinh cá nhân chưa đúng cách C. Truyền dọc từ mẹ sang con
B. Tiếp xúc trực tiếp với mầm bệnh D. Ô nhiễm môi trường

Phương pháp giải:

Các bệnh do nấm có thể được lây truyền qua:

- Tiếp xúc với vật nuôi nhiễm bệnh;
- Tiếp xúc với cơ thể nhiễm bệnh;
- Dùng chung đồ với người bệnh;
- Tiếp xúc với môi trường ô nhiễm;
- Vệ sinh cơ thể không sạch sẽ.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 14: Khi trồng nấm rơm, người ta thường chọn vị trí có điều kiện như thế nào?

- A. Nơi quang đãng, có ánh sáng mạnh
B. Nơi ẩm ướt, không cần ánh sáng
C. Nơi khô ráo, có ánh sáng trực tiếp
D. Nơi thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp

Phương pháp giải:

Khi trồng nấm rơm cần chọn vị trí thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp để không làm ảnh hưởng tới sự sinh trưởng và phát triển của nấm.

Lời giải chi tiết:

Chọn D.

Câu 15: Đại diện nào dưới đây không thuộc ngành Thực vật?

A. Rêu tường

B. Tảo lục

C. Dương xỉ

D. Rong đuôi chó

Phương pháp giải:

Thực vật sống ở khắp mọi nơi xung quanh chúng ta. Thực vật gồm nhiều loài, có kích thước và môi trường sống khác nhau.

Một số đại diện của ngành Thực vật là: rêu, dương xỉ, tảo lục ...

Lời giải chi tiết:**Chọn D.****Câu 16:** Cây rêu thường mọc ở nơi có điều kiện như thế nào?

A. Nơi khô ráo

C. Nơi thoáng đãng

B. Nơi ẩm ướt

D. Nơi nhiều ánh sáng

Phương pháp giải:

Rêu thường sống ở nơi ẩm ướt. Cơ thể chưa có mạch dẫn, chưa có rễ chính thức. Sinh sản bằng bào tử.

Lời giải chi tiết:**Chọn B.****Câu 17:** Loại thực vật nào dưới đây có chứa chất độc gây hại đến sức khỏe của con người?

A. Cây trúc đào

C. Cây tam thất

B. Cây gọng vó

D. Cây giảo cổ lam

Phương pháp giải:

Nhựa cây trúc đào có chứa chất glucoside. Chất này đi vào cơ thể có thể gây ra triệu chứng như nôn, mệt lả, nhức đầu, chóng mặt ... có thể gây ra tụt huyết áp, hôn mê, rối loạn nhịp tim.

Lời giải chi tiết:**Chọn A.****Câu 18:** Cơ quan sinh sản của ngành Hạt trần được gọi là gì?

A. Bào tử

B. Nón

C. Hoa

D. Rễ

Phương pháp giải:

Thực vật Hạt trần là những loài thân gỗ, có mạch dẫn trong thân. Chưa có hoa và quả, cơ quan sinh sản là nón, hạt nằm lộ trên noãn.

Lời giải chi tiết:**Chọn B.**

Câu 19: Hành động nào dưới đây góp phần bảo vệ thực vật?

A. Du canh du cư

C. Trồng cây gây rừng

B. Phá rừng làm nương rẫy

D. Xây dựng các nhà máy thủy điện

Phương pháp giải:

Hành động giúp góp phần bảo vệ thực vật là trồng cây gây rừng.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 20: Ổ dương xỉ, ổ túi bào tử thường nằm ở đâu?

A. Trên đỉnh ngọn

C. Mặt trên của lá

B. Trong kẽ lá

D. Mặt dưới của lá

Phương pháp giải:

Ổ dương xỉ, các túi bào tử thường tập trung ở mặt dưới của lá tạo thành các ổ túi bào tử.

Lời giải chi tiết:

Chọn D.

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II – ĐỀ SỐ 2**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 – KẾT NỐI TRI THỨC****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì II của chương trình sách giáo khoa KHTN 6.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận KHTN 6.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì II – chương trình KHTN 6.

Câu 1: Đặc điểm của người bị bệnh hắc bào là?

- A. Xuất hiện những vùng da phát ban đỏ, gây ngứa.
- B. Xuất hiện các mụn nước nhỏ li ti, ngứa.
- C. Xuất hiện vùng da có dạng tròn, đóng vảy, có thể sưng đỏ và gây ngứa.
- D. Xuất hiện những bong nước lớn, không ngứa, không đau nhức.

Câu 2: Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là?

- A. Hình thái đa dạng.
- B. Có xương sống.
- C. Kích thước cơ thể lớn.
- D. Sống lâu.

Câu 3: Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là?

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.
- B. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bèo tấm, cây vạn tuế.
- C. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.
- D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

Câu 4: Nhóm động vật nào sau đây có số lượng loài lớn nhất?

- A. Nhóm cá.
- B. Nhóm chân khớp.
- C. Nhóm giun.
- D. Nhóm ruột khoang.

Câu 5: Sự đa dạng của động vật được thể hiện rõ nhất ở:

- A. Cấu tạo cơ thể và số lượng loài.
- B. Số lượng loài và môi trường sống.

- C. Môi trường sống và hình thức dinh dưỡng.
D. Hình thức dinh dưỡng và hình thức vận chuyển.

Câu 6: Cho các vai trò sau:

- (1) Đảm bảo sự phát triển bền vững của con người.
- (2) Là nguồn cung cấp tài nguyên vô cùng, vô tận.
- (3) Phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí của con người.
- (4) Giúp con người thích nghi với biến đổi khí hậu.
- (5) Liên tục hình thành thêm nhiều loài mới phục vụ cho nhu cầu của con người.

Những vai trò nào là vai trò của đa dạng sinh học đối với con người?

- A. (1), (2), (3). B. (2), (3), (5). C. (1), (3), (4). D. (2), (4), (5).

Câu 7: Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO_2 .
- B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO_2 và O_2 .
- C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O_2 .
- D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO_2 .

Câu 8: Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Nấm là sinh vật đơn bào hoặc đa bào nhân thực.
- B. Nấm hương, nấm mốc là đại diện thuộc nhóm nấm túi.
- C. Chỉ có thể quan sát nấm dưới kính hiển vi.
- D. Tất cả các loài nấm đều có lợi cho con người.

Câu 9: Thực vật có vai trò gì đối với động vật?

- A. Cung cấp thức ăn.
- B. Ngăn biến đổi khí hậu.
- C. Giữ đất, giữ nước.
- D. Cung cấp thức ăn, nơi ở.

Câu 10: Động vật có xương sống bao gồm:

- A. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú.
- B. Cá, chân khớp, bò sát, chim, thú.
- C. Cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, thú.
- D. Thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú.

Câu 11: Các loài nào dưới đây là vật chủ trung gian truyền bệnh?

- A. Ruồi, chim bồ câu, ếch.
- B. Rắn, cá heo, hổ.
- C. Ruồi, muỗi, chuột.
- D. Hươu cao cổ, đà điểu, dơi.

Câu 12: Sinh cảnh nào dưới đây có độ đa dạng sinh học thấp nhất?

- A. Thảo nguyên. B. Rừng mưa nhiệt đới
C. Hoang mạc. D. Rừng ôn đới.

Câu 13: Năng lượng có thể truyền từ vật này sang vật khác thông qua:

- A. Tác dụng lực. B. Truyền nhiệt. C. Ánh sáng. D. Cả A và B.

Câu 14: Trong các tình huống sau đây, tình huống nào có lực tác dụng mạnh nhất?

- A. Năng lượng của gió làm quay cánh chong chóng.
B. Năng lượng của gió làm cánh cửa sổ mở tung ra.
C. Năng lượng của gió làm quay cánh quạt của tua - bin gió.
D. Năng lượng của gió làm các công trình xây dựng bị phá hủy.

Câu 15: Chúng ta nhận biết điện năng từ ổ cắm điện cung cấp cho máy tính thông qua biểu hiện:

- A. ánh sáng. B. âm thanh.
C. nhiệt do máy tính phát ra. D. cả 3 đáp án trên.

Câu 16: Loại năng lượng nào làm máy phát điện ở nhà máy thủy điện tạo ra điện?

- A. năng lượng thủy triều. B. năng lượng nước.
C. năng lượng mặt trời. D. năng lượng gió.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về định luật bảo toàn năng lượng?

- A. Năng lượng tự sinh ra hoặc tự mất đi và chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác.
B. Năng lượng không tự sinh ra hoặc tự mất đi và truyền từ vật này sang vật khác.
C. Năng lượng không tự sinh ra hoặc tự mất đi mà chỉ chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác.
D. Năng lượng không tự sinh ra hoặc tự mất đi mà chỉ chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác.

Câu 18: Năng lượng của nước chứa trong hồ của đập thủy điện là:

- A. thế năng hấp dẫn. B. nhiệt năng.
C. điện năng. D. động năng và thế năng.

Câu 19: Trong quá trình chuyển hóa lẫn nhau của năng lượng từ dạng này sang dạng khác, tổng năng lượng tại bất kỳ thời điểm nào cũng:

- A. không thay đổi. B. bằng không.

C. tăng dần.

D. giảm dần.

Câu 20: Một người đàn ông đứng trên đỉnh núi thả rơi một viên đá xuống chân núi, lấy mốc thế năng ở chân núi. Trong quá trình rơi của viên đá đã có sự chuyển hóa năng lượng là:

A. thế năng chuyển hóa thành động năng.

B. hóa năng chuyển hóa thành thế năng.

C. thế năng chuyển hóa thành động năng và nhiệt năng.

D. thế năng chuyển hóa thành cơ năng.

----- Hết -----

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT****THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAHAY.COM**

1. C	2. B	3. C	4. B	5. B
6. C	7. B	8. A	9. D	10. A
11. C	12. C	13. D	14. D	15. D
16. B	17. D	18. A	19. A	20. C

Câu 1: Đặc điểm của người bị bệnh hắc bào là?

- A. Xuất hiện những vùng da phát ban đỏ, gây ngứa.
- B. Xuất hiện các mụn nước nhỏ li ti, ngứa.
- C. Xuất hiện vùng da có dạng tròn, đóng vảy, có thể sưng đỏ và gây ngứa.
- D. Xuất hiện những bọng nước lớn, không ngứa, không đau nhức.

Phương pháp giải:

Bệnh hắc bào do một loại nấm gây ra. Người bị bệnh hắc bào thường xuất hiện vùng da có dạng tròn, đóng vảy, có thể sưng đỏ và gây ngứa.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 2: Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là?

- A. Hình thái đa dạng.
- B. Có xương sống.
- C. Kích thước cơ thể lớn.
- D. Sống lâu.

Phương pháp giải:

Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là: có xương sống.

Lời giải chi tiết:

Chọn B.

Câu 3: Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là?

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.
- B. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bèo tấm, cây vạn tuế.
- C. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.
- D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

Phương pháp giải:

Một số loài thực vật thuộc ngành Hạt kín như cây hoa hồng, cây cam, cây ngô ...

Cây thông, vạn tuế thuộc ngành Hạt trần.

Lời giải chi tiết:**Chọn C.**

Câu 4: Nhóm động vật nào sau đây có số lượng loài lớn nhất?

- | | |
|---------------|----------------------|
| A. Nhóm cá. | B. Nhóm chân khớp. |
| C. Nhóm giun. | D. Nhóm ruột khoang. |

Phương pháp giải:

Nhóm chân khớp là nhóm có số lượng loài lớn nhất trong số các ngành động vật. Nhóm có hơn 1 triệu loài được mô tả, chiếm trên 80% tất cả các loài sinh vật được tìm thấy trên Trái Đất.

Lời giải chi tiết:**Chọn B.**

Câu 5: Sự đa dạng của động vật được thể hiện rõ nhất ở:

- A. Cấu tạo cơ thể và số lượng loài.
- B. Số lượng loài và môi trường sống.
- C. Môi trường sống và hình thức dinh dưỡng.
- D. Hình thức dinh dưỡng và hình thức vận chuyển.

Phương pháp giải:

Sự đa dạng của động vật được thể hiện rõ nhất ở số lượng loài và môi trường sống.

Lời giải chi tiết:**Chọn B.**

Câu 6: Cho các vai trò sau:

- (1) Đảm bảo sự phát triển bền vững của con người.
- (2) Là nguồn cung cấp tài nguyên vô cùng, vô tận.
- (3) Phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí của con người.
- (4) Giúp con người thích nghi với biến đổi khí hậu.
- (5) Liên tục hình thành thêm nhiều loài mới phục vụ cho nhu cầu của con người.

Những vai trò nào là vai trò của đa dạng sinh học đối với con người?

- | | | | |
|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| A. (1), (2), (3). | B. (2), (3), (5). | C. (1), (3), (4). | D. (2), (4), (5). |
|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|

Phương pháp giải:

Đa dạng sinh học đảm bảo sự phát triển bền vững của con người thông qua việc:

Cung cấp ổn định nguồn nước, lương thực, thực phẩm;

Tạo ra môi trường sống thuận lợi cho con người;

Tạo cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp phục vụ tham quan, giải trí ...

Giúp con người ứng phó với thay đổi khí hậu bằng cách giảm ảnh hưởng của thiên tai ...

Lời giải chi tiết:**Chọn C.**

Câu 7: Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO_2 .
- B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO_2 và O_2 .
- C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O_2 .
- D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO_2 .

Phương pháp giải:

Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO_2 và O_2 .

Lời giải chi tiết:**Chọn B.**

Câu 8: Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Nấm là sinh vật đơn bào hoặc đa bào nhân thực.
- B. Nấm hương, nấm mốc là đại diện thuộc nhóm nấm túi.
- C. Chỉ có thể quan sát nấm dưới kính hiển vi.
- D. Tất cả các loài nấm đều có lợi cho con người.

Phương pháp giải:

Nấm là những sinh vật nhân thực, đơn bào hoặc đa bào, sống dị dưỡng.

Lời giải chi tiết:**Chọn A.**

Câu 9: Thực vật có vai trò gì đối với động vật?

- A. Cung cấp thức ăn.
- B. Ngăn biến đổi khí hậu.
- C. Giữ đất, giữ nước.
- D. Cung cấp thức ăn, nơi ở.

Phương pháp giải:

Thực vật tổng hợp chất hữu cơ và oxygen cung cấp cho hoạt động hô hấp của động vật. Chất hữu cơ do cây xanh tạo ra là nguồn thức ăn của động vật. Ngoài ra, thực vật còn là “nhà” và nơi sinh sản của nhiều loài động vật sống trên cây.

Lời giải chi tiết:

Chọn D.

Câu 10: Động vật có xương sống bao gồm:

- A. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú.
- B. Cá, chân khớp, bò sát, chim, thú.
- C. Cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, thú.
- D. Thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú.

Phương pháp giải:

Động vật có xương sống bao gồm các loài động vật mà cơ thể chúng có xương sống. Một số lớp phổ biến là: cá, lưỡng cư, bò sát, chim, động vật có vú (thú).

Lời giải chi tiết:

Chọn A.

Câu 11: Các loài nào dưới đây là vật chủ trung gian truyền bệnh?

- A. Ruồi, chim bồ câu, ếch.
- B. Rắn, cá heo, hổ.
- C. Ruồi, muỗi, chuột.
- D. Hươu cao cổ, đà điểu, dơi.

Phương pháp giải:

Các loài động vật là vật chủ trung gian truyền bệnh gồm ruồi, muỗi, chuột.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 12: Sinh cảnh nào dưới đây có độ đa dạng sinh học thấp nhất?

- A. Thảo nguyên.
- B. Rừng mưa nhiệt đới
- C. Hoang mạc.
- D. Rừng ôn đới.

Phương pháp giải:

Đa dạng sinh học biểu thị rõ nét nhất ở số lượng loài sinh vật.

Lời giải chi tiết:

Hoang mạc là nơi có khí hậu khắc nghiệt, chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm cao, lượng mưa ít nên có rất ít các loài sinh vật có thể thích nghi với môi trường này dẫn đến độ đa dạng sinh học thấp.

C. năng lượng mặt trời.

D. năng lượng gió.

Phương pháp giải:

Máy phát điện ở nhà máy thủy điện tạo ra điện nhờ năng lượng nước.

Lời giải chi tiết:

Chọn B.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về định luật bảo toàn năng lượng?

A. Năng lượng tự sinh ra hoặc tự mất đi và chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác.

B. Năng lượng không tự sinh ra hoặc tự mất đi và truyền từ vật này sang vật khác.

C. Năng lượng không tự sinh ra hoặc tự mất đi mà chỉ chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác.

D. Năng lượng không tự sinh ra hoặc tự mất đi mà chỉ chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác.

Phương pháp giải:

Năng lượng không tự sinh ra hoặc tự mất đi mà chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác.

Lời giải chi tiết:

Chọn D.

Câu 18: Năng lượng của nước chứa trong hồ của đập thủy điện là:

A. thế năng hấp dẫn.

B. nhiệt năng.

C. điện năng.

D. động năng và thế năng.

Phương pháp giải:

Năng lượng của nước chứa trong hồ của đập thủy điện là thế năng.

Lời giải chi tiết:

Chọn A.

Câu 19: Trong quá trình chuyển hóa lẫn nhau của năng lượng từ dạng này sang dạng khác, tổng năng lượng tại bất kỳ thời điểm nào cũng:

A. không thay đổi.

B. bằng không.

C. tăng dần.

D. giảm dần.

Phương pháp giải:

Trong quá trình chuyển hóa lẫn nhau của năng lượng từ dạng này sang dạng khác, tổng năng lượng tại bất kì thời điểm nào cũng không thay đổi theo đúng định luật bảo toàn năng lượng.

Lời giải chi tiết:

Chọn A.

Câu 20: Một người đàn ông đứng trên đỉnh núi thả rơi một viên đá xuống chân núi, lấy mốc thế năng ở chân núi. Trong quá trình rơi của viên đá đã có sự chuyển hóa năng lượng là:

- A. thế năng chuyển hóa thành động năng.
- B. hóa năng chuyển hóa thành thế năng.
- C. thế năng chuyển hóa thành động năng và nhiệt năng.
- D. thế năng chuyển hóa thành cơ năng.

Phương pháp giải:

Khi viên đá được thả rơi (tốc độ ban đầu bằng 0) => viên đá chỉ có thế năng. Trong quá trình rơi thế năng của viên đá giảm dần, động năng của viên đá tăng dần và một phần năng lượng được chuyển hóa thành nhiệt năng tỏa ra môi trường do cọ xát với không khí.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II – ĐỀ SỐ 3

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 – KẾT NỐI TRI THỨC

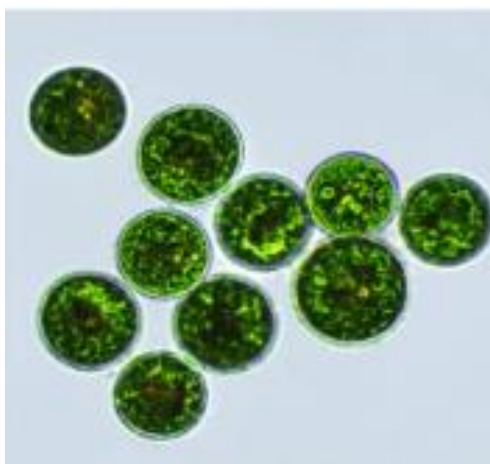
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM



Mục tiêu

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì II của chương trình sách giáo khoa KHTN 6.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận KHTN 6.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì II – chương trình KHTN 6.

Câu 1: Nguyên sinh vật dưới đây có tên là:



- A. Trùng roi B. Trùng giày C. Tảo lục D. Trùng biến hình

Câu 2: Một quyển sách 100g và một quả cân bằng sắt 100g đặt gần nhau nên mặt bàn. Nhận xét nào sau đây là **không đúng**?

- A. Hai vật có cùng trọng lượng. B. Hai vật có cùng thể tích.
C. Hai vật có cùng khối lượng. D. Có lực hấp dẫn giữa hai vật.

Câu 3: Chọn đáp án sai?

- A. Một số quá trình biến đổi tự nhiên không nhất thiết phải cần tới năng lượng.
B. Đơn vị của năng lượng trong hệ SI là jun (J).
C. Năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.
D. Năng lượng từ gió truyền lực lên điều, nâng điều bay cao. Gió càng mạnh, lực nâng điều lên càng cao.

Câu 4: Loài thiên địch sử dụng đẻ trứng kí sinh vào sinh vật gây hại hay trứng của sinh vật gây hại?

- A. Ruồi B. Mèo rừng C. Thỏ D. Ong mắt đỏ

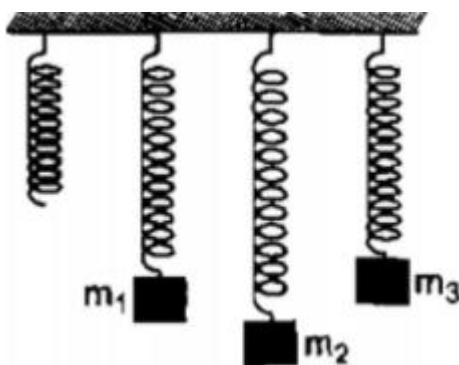
Câu 5: Trong các hoạt động sau, hoạt động nào xuất hiện lực tiếp xúc?

- A. Người thợ đóng cọc xuống đất B. Viên đá rơi
C. Nam châm hút viên bi sắt D. Cả B và C đều đúng

Câu 6: Trong tự nhiên, nguyên sinh vật có vai trò:

- A. Tảo có khả năng quang hợp có vai trò cung cấp oxygen cho các động vật dưới nước.
B. Tảo và nguyên sinh vật là thức ăn cho các động vật lớn hơn.
C. Một số nguyên sinh vật sống cộng sinh tạo nên mối quan hệ cần thiết cho sự sống của các loài động vật khác.
D. Cả ba đáp án trên đúng.

Câu 7: Lần lượt treo vào một lò xo các vật có khối lượng m_1 , m_2 , m_3 thì lò xo dãn ra như hình vẽ. Hãy so sánh các khối lượng m_1 , m_2 , m_3 .



- A. $m_1 > m_2 > m_3$. B. $m_1 = m_2 = m_3$ C. $m_1 < m_2 < m_3$ D. $m_2 > m_1 > m_3$

Câu 8: Mô liên kết ở người có chức năng:

- A. Nâng đỡ, liên kết các cơ quan. B. Co, dãn, tạo nên sự vận động.
C. Bao bọc và bảo vệ cơ thể D. Cả ba đáp án trên.

Câu 9: Virus được phát hiện lần đầu tiên từ cây gì?

- A. Cây đậu B. Cây thuốc lá C. Cây xương rồng D. Cây dâu tằm

Câu 10: Bước nhuộm xanh methylene khi làm tiêu bản quan sát vi khuẩn trong nước đưa muối, cà muối có ý nghĩa gì?

- A. Vi khuẩn bắt màu thuốc nhuộm dễ quan sát.
B. Làm tăng số lượng vi khuẩn trong nước đưa muối, cà muối.
C. Phóng to các tế bào vi khuẩn để quan sát.

D. Làm tiêu diệt các sinh vật khác trong nước dưa muối, cà muối.

Câu 11: Hoạt động nào của cây xanh giúp bổ sung vào bầu khí quyển lượng khí oxygen mất đi do hô hấp và đốt cháy nhiên liệu?

- A. Trao đổi khoáng.
- B. Hô hấp
- C. Quang hợp
- D. Thoát hơi nước

Câu 12: Môi trường có sự đa dạng sinh học lớn nhất là:

- A. Núi tuyết
- B. Rừng lá kim
- C. Rừng nhiệt đới
- D. Hoang mạc

Câu 13: Ý nghĩa của việc xây dựng khóa lưỡng phân là:

- A. Để tập hợp các cá thể thành các nhóm, từ thấp đến cao.
- B. Giúp phân biệt các đặc tính khái quát của sinh vật.
- C. Giúp cho việc nghiên cứu có trật tự hiệu quả hơn.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 14: Lực xuất hiện khi lấy một chiếc thước nhựa khô và sạch cọ xát vào mảnh vải dạ hoặc len khô rồi đưa lại gần các vụn giấy mỏng là:

- A. Lực đẩy
- B. Lực tiếp xúc
- C. Lực không tiếp xúc
- D. Lực ma sát

Câu 15: Đặc điểm nào sau đây không đúng khi nói về nhóm Thân mềm?

- A. Cơ thể mềm, thường có vỏ đá vôi bao bọc.
- B. Số lượng loài lớn, khác nhau về hình dạng, kích thước.
- C. Đại diện là trai, ốc, hên, sò ...
- D. đều là những sinh vật có lợi, cung cấp thức ăn.

Câu 16: Loại nấm không thể quan sát được bằng mắt thường là:

- A. Nấm hương
- B. Nấm bụng dê
- C. Nấm men
- D. Nấm sò

Câu 17: Đâu là mối quan hệ giữa trọng lượng và khối lượng?

- A. $m = p \times g$
- B. $g = m \times P$
- C. $P = m \times g$
- D. $P = m/g$

Câu 18: Việc phân loại thế giới sống có ý nghĩa gì đối với chúng ta?

- (1) Gọi đúng tên sinh vật.
 - (2) Đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại.
 - (3) Thấy được vai trò của sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn.
 - (4) Nhận ra sự đa dạng của sinh giới.
- A. (1), (2), (3)
 - B. (2), (3), (4)
 - C. (1), (2), (4)
 - D. (1), (3), (4)

Câu 19: Làm thế nào để sử dụng nhiên liệu hiệu quả?

- A. Cung cấp đủ oxi hoặc không khí cho sự cháy.
- B. Tăng diện tích tiếp xúc của nhiên liệu với không khí.
- C. Điều chỉnh lượng nhiên liệu để duy trì sự cháy ở mức độ cần thiết phù hợp với nhu cầu sử dụng.
- D. Cả ba ý trên đều đúng.

Câu 20: Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về vai trò vi khuẩn?

- A. Nhiều vi khuẩn có ích được sử dụng trong nông nghiệp và công nghiệp chế biến.
- B. Vi khuẩn được sử dụng trong sản xuất vaccine và thuốc kháng sinh.
- C. Mọi vi khuẩn đều có lợi cho tự nhiên và đời sống con người.
- D. Vi khuẩn giúp phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ để cây sử dụng.

----- **Hết** -----

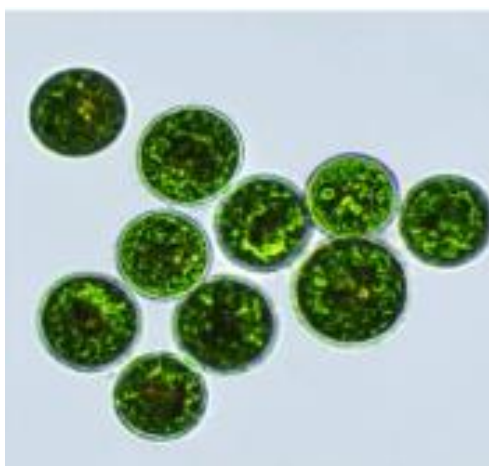


HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

1. C	2. B	3. A	4. D	5. A
6. D	7. D	8. A	9. B	10. A
11. C	12. C	13. D	14. C	15. D
16. C	17. C	18. C	19. D	20. C

Câu 1: Nguyên sinh vật dưới đây có tên là:



- A. Trùng roi B. Trùng giày C. Tảo lục D. Trùng biến hình

Phương pháp giải:

Nguyên sinh vật trong hình là tảo lục.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 2: Một quyển sách 100g và một quả cân bằng sắt 100g đặt gần nhau nên mặt bàn. Nhận xét nào sau đây là **không đúng**?

- A. Hai vật có cùng trọng lượng. B. Hai vật có cùng thể tích.
C. Hai vật có cùng khối lượng. D. Có lực hấp dẫn giữa hai vật.

Lời giải chi tiết:

Một quyển sách 100g và một quả cân bằng sắt 100g đặt gần nhau trên mặt bàn => có cùng khối lượng là 100g, có cùng trọng lượng là 1N, có lực hấp dẫn giữa chúng và có thể tích khác nhau.

Chọn B.

Câu 3: Chọn đáp án sai?

- A. Một số quá trình biến đổi tự nhiên không nhất thiết phải cần tới năng lượng.
- B. Đơn vị của năng lượng trong hệ SI là jun (J).
- C. Năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.
- D. Năng lượng từ gió truyền lực lên điều, nâng điều bay cao. Gió càng mạnh, lực nâng điều lên càng cao.

Lời giải chi tiết:

Mọi quá trình biến đổi trong tự nhiên đều cần tới năng lượng => A sai.

Đơn vị của năng lượng là jun (J) => B đúng.

Năng lượng là đại lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực => C đúng.

Năng lượng từ gió truyền lực lên điều, nâng điều bay cao, gió càng mạnh thì lực nâng điều càng cao => D đúng.

Chọn A.

Câu 4: Loài thiên địch sử dụng đẻ trứng kí sinh vào sinh vật gây hại hay trứng của sinh vật gây hại?

- A. Ruồi
- B. Mèo rừng
- C. Thỏ
- D. Ong mắt đỏ

Phương pháp giải:

Thiên địch sử dụng đẻ trứng kí sinh vào sinh vật gây hại hay trứng của sinh vật gây hại là ong mắt đỏ.

Lời giải chi tiết:

Chọn D.

Câu 5: Trong các hoạt động sau, hoạt động nào xuất hiện lực tiếp xúc?

- A. Người thợ đóng cọc xuống đất
- B. Viên đá rơi
- C. Nam châm hút viên bi sắt
- D. Cả B và C đều đúng

Phương pháp giải:

Người thợ đóng cọc xuống đất xuất hiện lực tiếp xúc.

Lời giải chi tiết:

Chọn A.

Câu 6: Trong tự nhiên, nguyên sinh vật có vai trò:

- A. Tảo có khả năng quang hợp có vai trò cung cấp oxygen cho các động vật dưới nước.
- B. Tảo và nguyên sinh vật là thức ăn cho các động vật lớn hơn.

C. Một số nguyên sinh vật sống cộng sinh tạo nên mối quan hệ cần thiết cho sự sống của các loài động vật khác.

D. Cả ba đáp án trên đúng.

Phương pháp giải:

Xem lí thuyết vai trò của nguyên sinh vật.

Lời giải chi tiết:

Trong tự nhiên, nguyên sinh vật có vai trò:

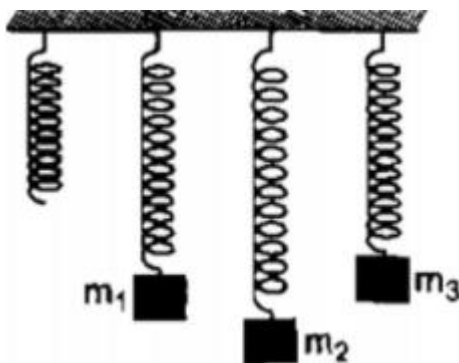
Tảo có khả năng quang hợp có vai trò cung cấp oxygen cho các động vật dưới nước.

Tảo và nguyên sinh vật là thức ăn cho các loài động vật lớn hơn

Một số nguyên sinh vật sống cộng sinh tạo nên mối quan hệ cần thiết cho sự sống của các loài động vật khác.

Chọn D.

Câu 7: Lần lượt treo vào một lò xo các vật có khối lượng m_1 , m_2 , m_3 thì lò xo giãn ra như hình vẽ. Hãy so sánh các khối lượng m_1 , m_2 , m_3 .



A. $m_1 > m_2 > m_3$.

B. $m_1 = m_2 = m_3$

C. $m_1 < m_2 < m_3$

D. $m_2 > m_1 > m_3$

Phương pháp giải:

Độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng vật treo.

Lời giải chi tiết:

Do độ giãn của lò xo treo thẳng đứng với tỉ lệ khối lượng vật treo nên ta có: lò xo nào càng giãn ra nhiều thì sẽ có khối lượng càng lớn.

Từ hình vẽ $\Rightarrow l_2 > l_1 > l_3 \Rightarrow m_2 > m_1 > m_3$.

Chọn D.

Câu 8: Mô liên kết ở người có chức năng:

A. Nâng đỡ, liên kết các cơ quan.

B. Co, giãn, tạo nên sự vận động.

C. Bao bọc và bảo vệ cơ thể

D. Cả ba đáp án trên.

Phương pháp giải:

Mô liên kết ở người có chức năng nâng đỡ, liên kết các cơ quan.

Lời giải chi tiết:

Chọn A.

Câu 9: Virus được phát hiện lần đầu tiên từ cây gì?

- A. Cây đậu B. Cây thuốc lá C. Cây xương rồng D. Cây dâu tằm

Phương pháp giải:

Virus lần đầu tiên được phát hiện từ cây thuốc lá.

Lời giải chi tiết:

Chọn B.

Câu 10: Bước nhuộm xanh methylene khi làm tiêu bản quan sát vi khuẩn trong nước dưa muối, cà muối có ý nghĩa gì?

- A. Vi khuẩn bắt màu thuốc nhuộm để quan sát.
B. Làm tăng số lượng vi khuẩn trong nước dưa muối, cà muối.
C. Phóng to các tế bào vi khuẩn để quan sát.
D. Làm tiêu diệt các sinh vật khác trong nước dưa muối, cà muối.

Phương pháp giải:

Vi khuẩn bắt màu thuốc nhuộm xanh methylene nên để quan sát dễ hơn trước khi quan sát vi khuẩn trong dưa muối, cà muối người ta nhuộm tiêu bản bằng xanh methylene.

Lời giải chi tiết:

Chọn A.

Câu 11: Hoạt động nào của cây xanh giúp bổ sung vào bầu khí quyển lượng khí oxygen mất đi do hô hấp và đốt cháy nhiên liệu?

- A. Trao đổi khoáng. B. Hô hấp
C. Quang hợp D. Thoát hơi nước

Phương pháp giải:

Hoạt động quang hợp của cây xanh giúp bổ sung vào bầu khí quyển lượng khí oxygen mất đi do hô hấp và đốt cháy nhiên liệu.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 12: Môi trường có sự đa dạng sinh học lớn nhất là:

A. Núi tuyết

B. Rừng lá kim

C. Rừng nhiệt đới

D. Hoang mạc

Phương pháp giải:

Đa dạng sinh học biểu thị rõ nét nhất ở số lượng loài sinh vật.

Lời giải chi tiết:

Môi trường có sự đa dạng sinh học lớn nhất là rừng nhiệt đới.

Chọn C.

Câu 13: Ý nghĩa của việc xây dựng khóa lưỡng phân là:

A. Để tập hợp các cá thể thành các nhóm, từ thấp đến cao.

B. Giúp phân biệt các đặc tính khái quát của sinh vật.

C. Giúp cho việc nghiên cứu có trật tự hiệu quả hơn.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Phương pháp giải:

Xem lại lí thuyết phần khóa lưỡng phân.

Lời giải chi tiết:

Việc sắp xếp như vậy có ý nghĩa: để tập hợp các cá thể thành các nhóm, từ thấp đến cao, các cấp phân loại càng lớn càng có các đặc tính khái quát hơn, giúp cho việc nghiên cứu có trật tự và hiệu quả hơn.

Chọn D.

Câu 14: Lực xuất hiện khi lấy một chiếc thước nhựa khô và sạch cọ xát vào mảnh vải dạ hoặc len khô rồi đưa lại gần các vụn giấy mỏng là:

A. Lực đẩy

B. Lực tiếp xúc

C. Lực không tiếp xúc

D. Lực ma sát

Lời giải chi tiết:

Thước sau khi cọ xát sẽ hút các mẩu giấy, lực này là không tiếp xúc.

Chọn C.

Câu 15: Đặc điểm nào sau đây không đúng khi nói về nhóm Thân mềm?

A. Cơ thể mềm, thường có vỏ đá vôi bao bọc.

B. Số lượng loài lớn, khác nhau về hình dạng, kích thước.

C. Đại diện là trai, ốc, hên, sò ...

D. Đều là những sinh vật có lợi, cung cấp thức ăn.

Lời giải chi tiết:

Thân mềm có một số loài có hại như ốc sên, ốc bươu vàng ...

Chọn D.

Câu 16: Loại nấm không thể quan sát được bằng mắt thường là:

- A. Nấm hương B. Nấm bụng dê C. Nấm men D. Nấm sò

Phương pháp giải:

Nấm men là nấm đơn bào có kích thước nhỏ nên không thể quan sát được bằng mắt thường.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 17: Đây là mối quan hệ giữa trọng lượng và khối lượng?

- A. $m = p \times g$ B. $g = m \times P$ C. $P = m \times g$ D. $P = m/g$

Phương pháp giải:

Mối quan hệ giữa trọng lượng và khối lượng là: $P = m \times g$.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 18: Việc phân loại thế giới sống có ý nghĩa gì đối với chúng ta?

- (1) Gọi đúng tên sinh vật.
- (2) Đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại.
- (3) Thấy được vai trò của sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn.
- (4) Nhận ra sự đa dạng của sinh giới.

- A. (1), (2), (3) B. (2), (3), (4) C. (1), (2), (4) D. (1), (3), (4)

Phương pháp giải:

Xem lại lí thuyết phần sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.

Lời giải chi tiết:

Ý nghĩa của phân loại thế giới sống:

- (1) Gọi đúng tên sinh vật.
- (2) Đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại.
- (4) Nhận ra sự đa dạng của sinh giới.

Chọn C.

Câu 19: Làm thế nào để sử dụng nhiên liệu hiệu quả?

- A. Cung cấp đủ oxi hoặc không khí cho sự cháy.
- B. Tăng diện tích tiếp xúc của nhiên liệu với không khí.

C. Điều chỉnh lượng nhiên liệu để duy trì sự cháy ở mức độ cần thiết phù hợp với nhu cầu sử dụng.

D. Cả ba ý trên đều đúng.

Lời giải chi tiết:

Biện pháp sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững:

- Duy trì các điều kiện thuận lợi cho sự cháy, cung cấp đủ không khí, tăng diện tích tiếp xúc giữa nhiên liệu và không khí.
- Điều chỉnh lượng nhiên liệu để duy trì sự cháy ở mức độ cần thiết, phù hợp với nhu cầu sử dụng.
- Tăng cường sử dụng nhiên liệu có thể tái tạo và ít ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe con người ...

Chọn D.

Câu 20: Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về vai trò vi khuẩn?

- A. Nhiều vi khuẩn có ích được sử dụng trong nông nghiệp và công nghiệp chế biến.
- B. Vi khuẩn được sử dụng trong sản xuất vaccine và thuốc kháng sinh.
- C. Mọi vi khuẩn đều có lợi cho tự nhiên và đời sống con người.
- D. Vi khuẩn giúp phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ để cây sử dụng.

Phương pháp giải:

Xem lại lí thuyết vai trò của vi khuẩn.

Lời giải chi tiết:

Vi khuẩn có vai trò:

- Nhiều vi khuẩn có ích được sử dụng trong nông nghiệp và công nghiệp chế biến.
- Vi khuẩn được sử dụng trong sản xuất vaccine và thuốc kháng sinh.
- Vi khuẩn giúp phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ để cây sử dụng.

Mọi vi khuẩn đều có lợi cho tự nhiên và con người là sai vì vi khuẩn cũng có một số tác hại như làm ôi thiu thức ăn, gây bệnh cho con người.

Chọn C.

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II – ĐỀ SỐ 4**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 – KẾT NỐI TRI THỨC****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì II của chương trình sách giáo khoa KHTN 6.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận KHTN 6.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì II – chương trình KHTN 6.

Câu 1: Đặc điểm nào dưới đây không có ở các loài động vật đới nóng?

- A. Di chuyển bằng cách quăng thân.
- B. Thường hoạt động vào ban ngày trong mùa hè.
- C. Có khả năng di chuyển rất xa.
- D. Chân cao, móng rộng và đệm thịt dày.

Câu 2: Khi đi xe đạp, bộ phận nào của xe đạp có thể xảy ra sự hao phí năng lượng nhiều nhất?

- A. bánh xe
- B. gi-đông
- C. yên xe
- D. khung xe

Câu 3: Lực nào sau đây là lực tiếp xúc?

- A. Lực hút giữa Trái Đất và mặt trăng.
- B. Lực của nam châm hút thanh sắt đặt cách nó một đoạn.
- C. Lực của Trái Đất tác dụng lên bóng đèn treo trên trần nhà.
- D. Lực của quả cân tác dụng lên lò xo khi treo quả cân vào lò xo.

Câu 4: Nhóm thực vật là đại diện của nhóm dương xỉ là:

- A. Cây dương xỉ, cỏ bọ, lông culi, xương rồng.
- B. Cây dương xỉ, cỏ lau, lông culi, bèo tây.
- C. Cây dương xỉ, cỏ bọ, lông culi, bèo tây.
- D. Cây dương xỉ, cỏ bọ, lông culi, bèo ong.

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây là đúng khi nói về vi khuẩn?

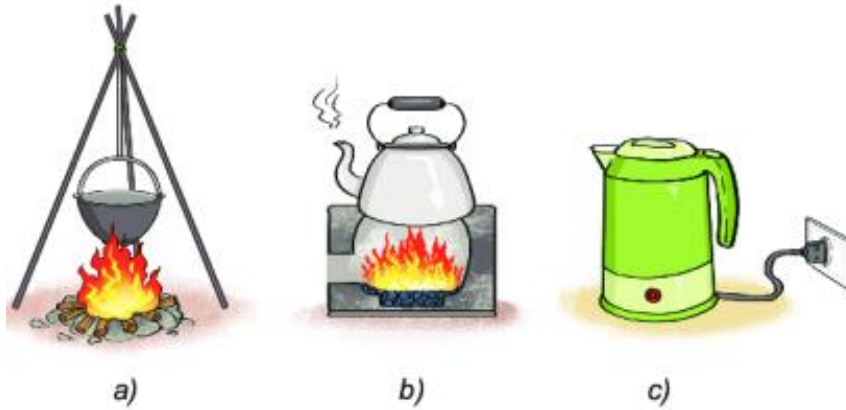
- A. Có cấu tạo tế bào nhân thực.

B. Kích thước có thể nhìn thấy bằng mắt thường.

C. Có cấu tạo tế bào nhân sơ.

D. Hệ gen đầy đủ.

Câu 6: Trong 3 cách đun nước ở hình sau, cách đun trong hình nào ít hao phí năng lượng nhất?



A. Hình b

B. Hình c

C. Hình a

D. Cả 3 hình như nhau

Câu 7: Cá cóc Tam Đảo được xếp vào nhóm ngành động vật nào?



A. Ruột khoang

B. Cá

C. Lưỡng cư

D. Bò sát

Câu 8: Treo thẳng đứng một lò xo, đầu dưới treo quả nặng 100g thì độ biến dạng của lò xo là 0,5cm. Nếu thay quả nặng trên bằng một quả nặng khác thì độ biến dạng của lò xo là 1,5cm. Hãy xác định khối lượng của vật treo trong trường hợp này.

A. 150g

B. 200g

C. 250g

D. 300g

Câu 9: Tại sao khi phanh gấp, lốp xe ô tô để lại một vệt đen dài trên đường nhựa?

A. Do ma sát giữa lốp xe và mặt đường lớn.

B. Do cao su nóng lên.

C. Do ma sát giữa lốp xe và mặt đường lớn làm cho cao su nóng lên, mềm ra và dính vào mặt đường.

D. Do lực hút của mặt đường.

Câu 10: Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của không khí?

A. Thợ lặn lặn xuống đáy biển bắt hải sản.

B. Con cá đang bơi.

C. Bạn Mai đang đi bộ trên bãi biển.

D. Tàu ngầm hoạt động gần đáy biển.

Câu 11: Động vật nguyên sinh nào dưới đây có lớp vỏ bằng đá vôi?

A. Trùng biến hình

B. Trùng lỗ.

C. Trùng kiết lị.

D. Trùng sốt rét.

Câu 12: Đặc điểm để phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào là:

A. Dựa vào cơ quan sinh sản của nấm là các bào tử.

B. Dựa vào số lượng tế bào cấu tạo nên.

C. Dựa vào đặc điểm bên ngoài.

D. Dựa vào môi trường sống.

Câu 13: Trong cơ thể sinh vật, một tế bào bắt đầu quá trình sinh sản để tạo nên các tế bào mới. Nếu tế bào này thực hiện 6 lần sinh sản liên tiếp thì sẽ tạo ra được bao nhiêu tế bào con?

A. 4

B. 16

C. 32

D. 64

Câu 14: Đâu không phải là ví dụ của sự lớn lên và sinh sản tế bào?

A. Sự tăng kích thước của củ khoai.

B. Sự lớn lên của em bé.

C. Sự rụng lá của cây xấu hổ khi chạm tay vào.

D. Sự tăng kích thước của bắp cải.

Câu 15: Tế bào có chiều dài lớn nhất trong các loại tế bào sau là:

A. Tế bào hồng cầu

B. Tế bào biểu bì lá

C. Tế bào cơ người

D. Tế bào thần kinh người

Câu 16: Chức năng bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào (quá trình trao đổi chất giữa tế bào và môi trường) là của bào quan nào?

A. Nhân hoặc vùng nhân tế bào.

B. Màng tế bào

C. Chất tế bào

D. Lục lạp

Câu 17: Hai chất lỏng không hòa tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau thì gọi là:

A. dung dịch

B. chất tinh khiết

C. nhũ tương

D. huyền phù

Câu 18: Hỗn hợp nào sau đây không được xem là dung dịch?

A. Hỗn hợp nước đường

B. Hỗn hợp nước muối

C. Hỗn hợp bột mì và nước khuấy đều

D. Hỗn hợp nước và rượu.

Câu 19: Lục lạp ở tế bào thực vật có chức năng:

A. Quang hợp để tổng hợp chất hữu cơ từ năng lượng mặt trời và chất vô cơ.

B. Bảo vệ, định hình và giúp cây cứng cáp.

C. Chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

D. Chứa vật chất di truyền, điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.

Câu 20: Chất có vai trò cấu tạo nên cơ thể sinh vật, tham gia cung cấp năng lượng và hầu hết các hoạt động sống là:

A. Chất béo

B. Chất đạm

C. Carbohydrate

D. Vitamin

----- Hết -----

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT****THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAHAY.COM**

1. B	2. A	3. D	4. D	5. C
6. B	7. C	8. D	9. C	10. C
11. B	12. B	13. D	14. C	15. D
16. B	17. C	18. C	19. A	20. B

Câu 1: Đặc điểm nào dưới đây không có ở các loài động vật đới nóng?

- A. Di chuyển bằng cách quăng thân.
- B. Thường hoạt động vào ban ngày trong mùa hè.
- C. Có khả năng di chuyển rất xa.
- D. Chân cao, móng rộng và đệm thịt dày.

Lời giải chi tiết:

Đặc điểm không có ở động vật đới nóng là thường hoạt động vào ban ngày trong mùa hè. Vì mùa hè nóng, động vật có xu hướng hoạt động vào ban đêm.

Chọn B.

Câu 2: Khi đi xe đạp, bộ phận nào của xe đạp có thể xảy ra sự hao phí năng lượng nhiều nhất?

- A. bánh xe
- B. gi-đông
- C. yên xe
- D. khung xe

Lời giải chi tiết:

Bộ phận có thể xảy ra sự hao phí năng lượng nhiều nhất của xe đạp có thể là các chỗ tiếp xúc giữa trụ với ổ bi, giữa bánh xe với mặt đường.

Chọn A.

Câu 3: Lực nào sau đây là lực tiếp xúc?

- A. Lực hút giữa Trái Đất và mặt trăng.
- B. Lực của nam châm hút thanh sắt đặt cách nó một đoạn.
- C. Lực của Trái Đất tác dụng lên bóng đèn treo trên trần nhà.
- D. Lực của quả cân tác dụng lên lò xo khi treo quả cân vào lò xo.

Phương pháp giải:

Lực xuất hiện khi vật gây ra lực tiếp xúc với vật chịu tác dụng lực gọi là lực tiếp xúc.

Lực xuất hiện khi vật gây ra lực không tiếp xúc với vật chịu tác dụng lực gọi là lực không tiếp xúc.

Lời giải chi tiết:

Lực của quả cân tác dụng lên lò xo khi treo quả cân vào lò xo là lực tiếp xúc.

Chọn D.

Câu 4: Nhóm thực vật là đại diện của nhóm dương xỉ là:

- A. Cây dương xỉ, cỏ bọ, lông culi, xương rồng.
- B. Cây dương xỉ, cỏ lau, lông culi, bèo tây.
- C. Cây dương xỉ, cỏ bọ, lông culi, bèo tây.
- D. Cây dương xỉ, cỏ bọ, lông culi, bèo ong.

Phương pháp giải:

Xem lại phần lí thuyết thực vật có mạch.

Lời giải chi tiết:

Nhóm thực vật đại diện cho nhóm dương xỉ là cây dương xỉ, cỏ bọ, lông culi, bèo ong.

Chọn D.

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây là đúng khi nói về vi khuẩn?

- A. Có cấu tạo tế bào nhân thực.
- B. Kích thước có thể nhìn thấy bằng mắt thường.
- C. Có cấu tạo tế bào nhân sơ.
- D. Hệ gen đầy đủ.

Phương pháp giải:

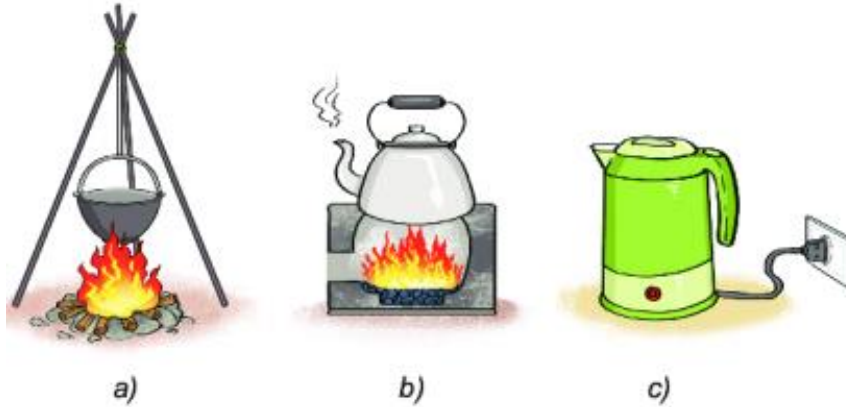
Xem lại lí thuyết cấu tạo của vi khuẩn.

Lời giải chi tiết:

Cấu tạo vi khuẩn đơn giản, tế bào nhân sơ gồm thành tế bào, màng tế bào, chất tế bào và vùng nhân.

Chọn C.

Câu 6: Trong 3 cách đun nước ở hình sau, cách đun trong hình nào ít hao phí năng lượng nhất?



- A. Hình b
 B. Hình c
 C. Hình a
 D. Cả 3 hình như nhau

Lời giải chi tiết:

Cách đun nước bằng cách dùng ấm điện ít hao phí năng lượng nhất vì gần như toàn bộ năng lượng cung cấp cho ấm sẽ làm nóng nước.

Còn ở hai cách đun còn lại có nhiều năng lượng bị tổn thất ra bên ngoài môi trường.

Chọn B.

Câu 7: Cá cóc Tam Đảo được xếp vào nhóm ngành động vật nào?



- A. Ruột khoang
 B. Cá
 C. Lưỡng cư
 D. Bò sát

Phương pháp giải:

Xem lại lí thuyết phần động vật có xương sống.

Lời giải chi tiết:

Do cá cóc là động vật có xương sống, và có những đặc điểm thích nghi được với đời sống trên cạn giống như lưỡng cư nên được xếp vào nhóm Lưỡng cư.

Chọn C.

Câu 8: Treo thẳng đứng một lò xo, đầu dưới treo quả nặng 100g thì độ biến dạng của lò xo là 0,5cm. Nếu thay quả nặng trên bằng một quả nặng khác thì độ biến dạng của lò xo là 1,5cm. Hãy xác định khối lượng của vật treo trong trường hợp này.

- A. 150g B. 200g C. 250g D. 300g

Phương pháp giải:

Độ dãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng vật treo.

Lời giải chi tiết:

Gọi m và Δl lần lượt là khối lượng và độ dãn của lò xo.

Do độ dãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng vật treo nên ta có:

$$\frac{\Delta l_1}{\Delta l_2} = \frac{m_1}{m_2} \Rightarrow \frac{0,5}{1,5} = \frac{100}{m_2} \Rightarrow m_2 = \frac{100 \cdot 1,5}{0,5} = 300(\text{g})$$

Chọn D.

Câu 9: Tại sao khi phanh gấp, lốp xe ô tô để lại một vệt đen dài trên đường nhựa?

- A. Do ma sát giữa lốp xe và mặt đường lớn.
 B. Do cao su nóng lên.
 C. Do ma sát giữa lốp xe và mặt đường lớn làm cho cao su nóng lên, mềm ra và dính vào mặt đường.
 D. Do lực hút của mặt đường.

Lời giải chi tiết:

Khi phanh gấp, lốp xe ô tô để lại một vệt đen dài trên đường nhựa là do ma sát giữa lốp xe và mặt đường lớn làm cho cao su nóng lên, mềm ra và dính vào mặt đường.

Chọn C.

Câu 10: Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của không khí?

- A. Thợ lặn lặn xuống đáy biển bắt hải sản.
 B. Con cá đang bơi.
 C. Bạn Mai đang đi bộ trên bãi biển.
 D. Tàu ngầm hoạt động gần đáy biển.

Phương pháp giải:

Vật chuyển động trong nước sẽ bị nước cản trở. Các vật có hình dạng khác nhau sẽ chịu lực cản của nước không giống nhau.

Khi vật chuyển động trong không khí sẽ có lực cản của không khí tác dụng lên vật.

Khi chuyển động trong nước, vật chịu lực cản mạnh hơn trong không khí.

Lời giải chi tiết:

- A – thợ lặn chịu lực cản của nước.
 B – con cá chịu lực cản của nước.
 C – Bạn Mai chịu lực cản của không khí.
 D – tàu ngầm chịu lực cản của nước.

Chọn C.

Câu 11: Động vật nguyên sinh nào dưới đây có lớp vỏ bằng đá vôi?

- A. Trùng biến hình
 B. Trùng lỗ.
 C. Trùng kiết lị.
 D. Trùng sốt rét.

Lời giải chi tiết:

Trùng lỗ là nguyên sinh vật duy nhất có lớp vỏ đá vôi.

Chọn B.

Câu 12: Đặc điểm để phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào là:

- A. Dựa vào cơ quan sinh sản của nấm là các bào tử.
 B. Dựa vào số lượng tế bào cấu tạo nên.
 C. Dựa vào đặc điểm bên ngoài.
 D. Dựa vào môi trường sống.

Lời giải chi tiết:

Để phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào ta dựa vào số lượng của tế bào cấu tạo nên.

Chọn B.

Câu 13: Trong cơ thể sinh vật, một tế bào bắt đầu quá trình sinh sản để tạo nên các tế bào mới. Nếu tế bào này thực hiện 6 lần sinh sản liên tiếp thì sẽ tạo ra được bao nhiêu tế bào con?

- A. 4
 B. 16
 C. 32
 D. 64

Phương pháp giải:

1 tế bào sinh sản 1 lần tạo ra 2 tế bào con, 2 lần tạo ra 4 tế bào con ...

=> 1 tế bào qua n lần sinh sản tạo ra 2^n tế bào con.

Lời giải chi tiết:

6 lần sinh sản liên tiếp thì sẽ tạo ra: $2^6 = 64$ tế bào con.

Chọn D.

Câu 14: Đâu không phải là ví dụ của sự lớn lên và sinh sản tế bào?

- A. Sự tăng kích thước của củ khoai.
- B. Sự lớn lên của em bé.
- C. Sự rụng lá của cây xấu hổ khi chạm tay vào.
- D. Sự tăng kích thước của bắp cải.

Phương pháp giải:

Xem lí thuyết sự lớn lên và sinh sản của tế bào.

Lời giải chi tiết:

Sự rụng lá cây xấu hổ khi chạm tay vào là ví dụ của sự cảm ứng.

Những đáp ứng khác là ví dụ của sự lớn lên tế bào

Chọn C.

Câu 15: Tế bào có chiều dài lớn nhất trong các loại tế bào sau là:

- A. Tế bào hồng cầu
- B. Tế bào biểu bì lá
- C. Tế bào cơ người
- D. Tế bào thần kinh người

Phương pháp giải:

Xem lí thuyết kích thước tế bào.

Lời giải chi tiết:

Tế bào có chiều dài lớn nhất là tế bào thần kinh, chiều dài có thể lên tới 100cm.

Chọn D.

Câu 16: Chức năng bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào (quá trình trao đổi chất giữa tế bào và môi trường) là của bào quan nào?

- A. Nhân hoặc vùng nhân tế bào.
- B. Màng tế bào
- C. Chất tế bào
- D. Lục lạp

Phương pháp giải:

Xem lại lí thuyết phân cấu tạo tế bào.

Lời giải chi tiết:

Màng tế bào bảo vệ tế bào và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào.

Chọn B.

Câu 17: Hai chất lỏng không hòa tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau thì gọi là:

- A. dung dịch
- B. chất tinh khiết
- C. nhũ tương
- D. huyền phù

Lời giải chi tiết:

Nhũ tương là hỗn hợp không đồng nhất gồm một hay nhiều chất lỏng phân tán trong môi trường chất lỏng khác như không tan trong nhau.

Chọn C.

Câu 18: Hỗn hợp nào sau đây không được xem là dung dịch?

- A. Hỗn hợp nước đường
B. Hỗn hợp nước muối
C. Hỗn hợp bột mì và nước khuấy đều
D. Hỗn hợp nước và rượu.

Lời giải chi tiết:

Hỗn hợp không được xem là dung dịch là bột mì và nước khuấy đều vì bột mì không tan trong nước mà khi trộn bột mì với nước thì bột mì nở ra.

Chọn C.

Câu 19: Lục lạp ở tế bào thực vật có chức năng:

- A. Quang hợp để tổng hợp chất hữu cơ từ năng lượng mặt trời và chất vô cơ.
B. Bảo vệ, định hình và giúp cây cứng cáp.
C. Chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.
D. Chứa vật chất di truyền, điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.

Phương pháp giải:

Lục lạp ở tế bào thực vật có chức năng quang hợp để tổng hợp chất hữu cơ từ năng lượng mặt trời và chất vô cơ.

Lời giải chi tiết:

Chọn A.

Câu 20: Chất có vai trò cấu tạo nên cơ thể sinh vật, tham gia cung cấp năng lượng và hầu hết các hoạt động sống là:

- A. Chất béo
B. Chất đạm
C. Carbohydrate
D. Vitamin

Phương pháp giải:

Chất có vai trò cấu tạo nên cơ thể sinh vật, tham gia cung cấp năng lượng và hầu hết các hoạt động sống là protein.

Lời giải chi tiết:

Chọn B.

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II – ĐỀ SỐ 5**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 – KẾT NỐI TRI THỨC****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì II của chương trình sách giáo khoa KHTN 6.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận KHTN 6.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dần trải tất cả các chương của học kì II – chương trình KHTN 6.

Câu 1: Nguyên liệu chính để chế biến nước mắm là:

- A. Gạo B. Cá C. Rau D. Ngô

Câu 2: Sữa magie (magnesium hydroxide lơ lửng trong nước) được dùng làm thuốc trong y học để chữa bệnh khó tiêu, ợ chua. Sữa magie thuộc loại:

- A. dung dịch B. huyền phù
C. nhũ tương D. hỗn hợp đồng nhất

Câu 3: Loại cá nào không thuộc lớp cá xương?

- A. Cá hồi B. Cá rô C. Cá chép D. Cá đuối

Câu 4: Năng lượng hao phí thường xuất hiện dưới dạng:

- A. Động năng B. Thế năng C. Nhiệt năng D. Hóa năng

Câu 5: Tế bào nào khác biệt hơn so với các tế bào còn lại về kích thước:

- A. Tế bào biểu bì lá B. Tế bào thần kinh người
C. Tế bào trứng cá D. Tế bào vi khuẩn

Câu 6: Lực nào sau đây có độ lớn mạnh nhất?

- A. Lực của người đẩy xe ô tô chết máy.
B. Lực của người ấn điện thoại.
C. Lực của người mẹ mở cửa phòng.
D. Lực của em bé đeo ba lô.

Câu 7: “Xương rồng, lạc đà, cây lê gai” là những sinh vật đặc trưng có môi trường nào?

- A. Núi tuyết B. Rừng lá kim

C. Rừng nhiệt đới

D. Hoang mạc

Câu 8: Dụng cụ nào sau đây khi hoạt động biến đổi phần lớn điện năng mà nó nhận vào thành nhiệt năng?

A. Điện thoại

B. Máy hút bụi

C. Máy sấy tóc

D. Máy vi tính

Câu 9: Nhận định nào đúng khi nói về các nhóm chất dinh dưỡng?

A. Có 3 nhóm chất dinh dưỡng: carbohydrate, protein, lipid.

B. Tùy vào độ tuổi, giai đoạn phát triển và cơ địa mà mỗi cơ thể sẽ cần được cung cấp dinh dưỡng theo tỉ lệ khác nhau.

C. Tùy vào độ tuổi, giai đoạn phát triển và cơ địa mà mỗi cơ thể sẽ cần được cung cấp dinh dưỡng theo tỉ lệ giống nhau.

D. Nhóm chất dinh dưỡng đều có vai trò chung.

Câu 10: Hóa năng lưu trữ trong que diêm, khi cọ xát với vỏ bao diêm, được chuyển hóa hoàn toàn thành:

A. nhiệt năng

B. quang năng

C. điện năng

D. nhiệt năng và quang năng

Câu 11: Vì sao đi lại trên bờ thì dễ dàng hơn còn đi lại dưới nước thì khó hơn?

A. Vì nước chuyển động còn không khí không chuyển động.

B. Vì khí xuống nước, chúng ta “nặng” hơn

C. Vì nước có lực cản còn không khí thì không có lực cản

D. Vì lực cản của nước lớn hơn lực cản của không khí.

Câu 12: Muốn hòa tan được nhiều muối ăn vào nước, ta **không nên** sử dụng phương pháp nào sau đây?

A. Nghiền nhỏ muối ăn.

B. Đun nóng nước

C. Vừa cho muối ăn vào nước vừa khuấy đều

D. Bỏ thêm đá lạnh vào.

Câu 13: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào có ý nghĩa:

A. Là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật.

B. Thay thế những tế bào bị tổn thương.

C. Thay thế những tế bào bị mất hoặc chết

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 14: Dụng cụ nào sau đây hoạt động bằng năng lượng lấy từ nguồn tái tạo?

- A. Bóng điện B. Xe máy C. Ô tô D. Đèn dầu

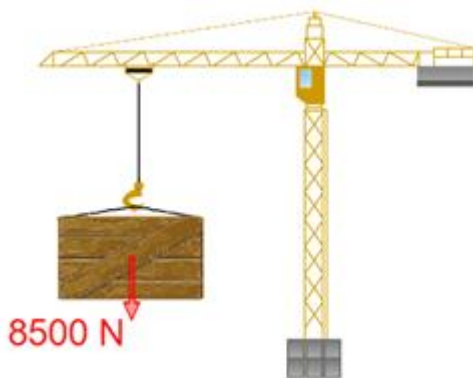
Câu 15: Cho các câu dưới đây:

- 1) Ở các máy cơ và máy điện, năng lượng thường hao phí dưới dạng nhiệt năng.
- 2) Ở nồi cơm điện, nhiệt năng là năng lượng hao phí.
- 3) Máy bơm nước biến đổi hoàn toàn điện năng tiêu thụ thành động năng của dòng nước.
- 4) Năng lượng hao phí càng lớn thì máy móc hoạt động càng hiệu quả.
- 5) Không thể chế tạo loại máy móc nào sử dụng năng lượng mà không hao phí.

Số phát biểu đúng là?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 16: Trọng lượng của một cái thùng là 8500N. Khối lượng của nó là bao nhiêu?



- A. 8500kg B. 850kg C. 850N D. 8500N

Câu 17: Những loài nấm độc có điểm đặc trưng nào sau đây?

- A. Tỏa ra mùi hương quyến rũ. B. Thường sống quanh các gốc cây.
C. Có màu sắc sặc sỡ. D. Có kích thước rất lớn.

Câu 18: Cách sử dụng đèn thấp sáng nào dưới đây không tiết kiệm điện năng?

- A. Bật đèn cả khi phòng có đủ ánh sáng tự nhiên chiếu vào.
B. Tắt đèn khi ra khỏi phòng quá 15 phút.
C. Dùng bóng đèn compact thay cho bóng đèn dây tóc.
D. Chỉ bật bóng đèn đủ sáng gần nơi sử dụng.

Câu 19: Đặc điểm nào sau đây sai khi nói về nhóm Hạt kín?

- A. Mọc khắp nơi, cả trên cạn và dưới nước, ở vùng núi cao hoặc nơi có tuyết phủ.
B. Nhiều cây Hạt kín có kích thước rất lớn như cây bao báp ở Châu Phi.
C. Cơ quan sinh sản gồm có nón đực và nón cái.
D. Hạt đực bao kín trong quả.

Câu 20: Đặc điểm nào dưới đây nói về virus là sai?

- A. Không có cấu tạo tế bào.
- B. Chỉ nhân lên khi sống ngoài môi trường.
- C. Có cấu tạo đơn giản.
- D. Hầu hết quan sát dưới kính hiển vi điện tử.

----- Hết -----



HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

1. B	2. B	3. D	4. C	5. C
6. A	7. D	8. C	9. B	10. D
11. D	12. D	13. D	14. A	15. B
16. B	17. C	18. A	19. C	20. B

Câu 1: Nguyên liệu chính để chế biến nước mắm là:

- A. Gạo B. Cá C. Rau D. Ngô

Phương pháp giải:

Nguyên liệu chính để chế biến nước mắm là cá.

Lời giải chi tiết:

Chọn B.

Câu 2: Sữa magie (magnesium hydroxide lơ lửng trong nước) được dùng làm thuốc trong y học để chữa bệnh khó tiêu, ợ chua. Sữa magie thuộc loại:

- A. dung dịch B. huyền phù
C. nhũ tương D. hỗn hợp đồng nhất

Phương pháp giải:

Huyền phù là một hỗn hợp không đồng nhất gồm các hạt chất rắn phân tán lơ lửng trong môi trường chất lỏng.

Lời giải chi tiết:

Sữa magie là huyền phù.

Chọn B.

Câu 3: Loại cá nào không thuộc lớp cá xương?

- A. Cá hồi B. Cá rô C. Cá chép D. Cá đuối

Phương pháp giải:

Loài cá không thuộc lớp Cá xương là cá đuối.

Lời giải chi tiết:

Chọn D.

Câu 4: Năng lượng hao phí thường xuất hiện dưới dạng:

- A. Động năng B. Thế năng C. Nhiệt năng D. Hóa năng

Lời giải chi tiết:

Năng lượng hao phí thường xuất hiện dưới dạng nhiệt năng (đôi khi có cả âm thanh và ánh sáng).

Chọn C.

Câu 5: Tế bào nào khác biệt hơn so với các tế bào còn lại về kích thước:

- | | |
|----------------------|---------------------------|
| A. Tế bào biểu bì lá | B. Tế bào thần kinh người |
| C. Tế bào trứng cá | D. Tế bào vi khuẩn |

Phương pháp giải:

Xem lại phần lí thuyết kích thước tế bào.

Lời giải chi tiết:

Tế bào trứng cá có kích thước lớn hơn rất nhiều (1 – 10mm) so với các tế bào còn lại:

Tế bào vi khuẩn (<1mcm); tế bào thần kinh người (10 – 30 mcm); tế bào biểu bì lá (10 – 100mcm).

Chọn C.

Câu 6: Lực nào sau đây có độ lớn mạnh nhất?

- A. Lực của người đẩy xe ô tô chết máy.
- B. Lực của người ấn điện thoại.
- C. Lực của người mẹ mở cửa phòng.
- D. Lực của em bé đeo ba lô.

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức thực tế.

Lời giải chi tiết:

Lực của người đẩy xe ô tô chết máy là mạnh nhất trong 4 lực trên vì người mất nhiều sức nhất.

Chọn A.

Câu 7: “Xương rồng, lạc đà, cây lê gai” là những sinh vật đặc trưng có môi trường nào?

- | | |
|-------------------|----------------|
| A. Núi tuyết | B. Rừng lá kim |
| C. Rừng nhiệt đới | D. Hoang mạc |

Phương pháp giải:

Xem lại phần lí thuyết đa dạng sinh học.

Lời giải chi tiết:

Ở hoang mạc có những loài sinh vật đặc trưng là: xương rồng, lạc đà, cây lê gai ...

Chọn D.

Câu 8: Dụng cụ nào sau đây khi hoạt động biến đổi phần lớn điện năng mà nó nhận vào thành nhiệt năng?

- A. Điện thoại B. Máy hút bụi C. Máy sấy tóc D. Máy vi tính

Phương pháp giải:

Máy sấy tóc khi hoạt động biến đổi phần lớn điện năng mà nó nhận vào thành nhiệt năng để làm khô tóc.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 9: Nhận định nào đúng khi nói về các nhóm chất dinh dưỡng?

- A. Có 3 nhóm chất dinh dưỡng: carbohydrate, protein, lipid.
B. Tùy vào độ tuổi, giai đoạn phát triển và cơ địa mà mỗi cơ thể sẽ cần được cung cấp dinh dưỡng theo tỉ lệ khác nhau.
C. Tùy vào độ tuổi, giai đoạn phát triển và cơ địa mà mỗi cơ thể sẽ cần được cung cấp dinh dưỡng theo tỉ lệ giống nhau.
D. Nhóm chất dinh dưỡng đều có vai trò chung.

Phương pháp giải:

Xem lí thuyết các nhóm chất dinh dưỡng.

Lời giải chi tiết:

Có 4 nhóm chất dinh dưỡng: carbohydrate, protein, lipid, vitamin.

Tùy vào độ tuổi, giai đoạn phát triển và cơ địa mà mỗi cơ thể sẽ cần được cung cấp chất dinh dưỡng theo tỉ lệ khác nhau.

Mỗi nhóm chất dinh dưỡng sẽ có vai trò riêng, hỗ trợ cung cấp năng lượng và nuôi dưỡng cơ thể.

Chọn B.

Câu 10: Hóa năng lưu trữ trong que diêm, khi cọ xát với vỏ bao diêm, được chuyển hóa hoàn toàn thành:

- A. nhiệt năng B. quang năng
C. điện năng D. nhiệt năng và quang năng

Phương pháp giải:

Sử dụng lí thuyết chuyển hóa năng lượng.

Lời giải chi tiết:

Khi cọ sát que diêm với vỏ bao diêm tạo ra ngọn lửa => hóa năng dự trữ trong que diêm được chuyển hóa thành nhiệt năng và ánh sáng.

Chọn D.

Câu 11: Vì sao đi lại trên bờ thì dễ dàng hơn còn đi lại dưới nước thì khó hơn?

- A. Vì nước chuyển động còn không khí không chuyển động.
- B. Vì khi xuống nước, chúng ta “nặng” hơn
- C. Vì nước có lực cản còn không khí thì không có lực cản
- D. Vì lực cản của nước lớn hơn lực cản của không khí.

Lời giải chi tiết:

Các vật trong nước chịu tác dụng của lực cản.

Không chỉ nước mà cả không khí cũng tác dụng lực cản lên vật chuyển động trong nó.

Lực cản của nước lớn hơn lực cản của không khí.

=> Khi đi lại trên bờ thì dễ dàng còn đi lại dưới nước khó hơn là do lực cản của nước lớn hơn lực cản của không khí.

Chọn D.

Câu 12: Muốn hòa tan được nhiều muối ăn vào nước, ta **không nên** sử dụng phương pháp nào sau đây?

- A. Nghiền nhỏ muối ăn.
- B. Đun nóng nước
- C. Vừa cho muối ăn vào nước vừa khuấy đều
- D. Bỏ thêm đá lạnh vào.

Phương pháp giải:

Muốn hòa tan được nhiều muối ăn vào nước, ta **không nên** sử dụng phương pháp bỏ thêm đá lạnh vào.

Lời giải chi tiết:

Chọn D.

Câu 13: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào có ý nghĩa:

- A. Là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật.
- B. Thay thế những tế bào bị tổn thương.

C. Thay thế những tế bào bị mất hoặc chết

D. Cả ba đáp án trên.

Phương pháp giải:

Sự lớn lên và sinh sản của tế bào có ý nghĩa:

- Là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật.
- Thay thế những tế bào bị tổn thương và các tế bào bị mất hoặc chết

Lời giải chi tiết:

Chọn D.

Câu 14: Dụng cụ nào sau đây hoạt động bằng năng lượng lấy từ nguồn tái tạo?

- A. Bóng điện B. Xe máy C. Ô tô D. Đèn dầu

Lời giải chi tiết:

Bóng điện sử dụng năng lượng điện, được tạo thành nhờ nước, gió và đó là năng lượng tái tạo.

Xe máy, ô tô cần xăng để hoạt động => năng lượng không tái tạo.

Đèn dầu cần dầu để hoạt động => năng lượng không tái tạo.

Chọn A.

Câu 15: Cho các câu dưới đây:

- 1) Ở các máy cơ và máy điện, năng lượng thường hao phí dưới dạng nhiệt năng.
- 2) Ở nồi cơm điện, nhiệt năng là năng lượng hao phí.
- 3) Máy bơm nước biến đổi hoàn toàn điện năng tiêu thụ thành động năng của dòng nước.
- 4) Năng lượng hao phí càng lớn thì máy móc hoạt động càng hiệu quả.
- 5) Không thể chế tạo loại máy móc nào sử dụng năng lượng mà không hao phí.

Số phát biểu đúng là?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Lời giải chi tiết:

Phát biểu đúng là: 1 và 5.

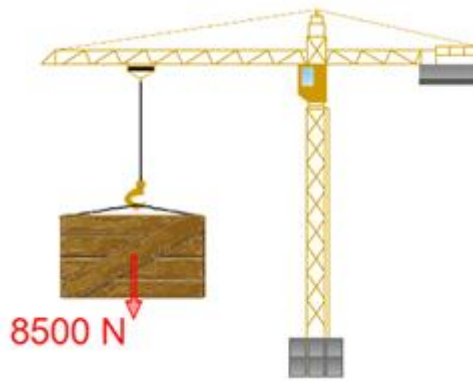
2 sai vì còn ánh sáng và âm thanh cũng là năng lượng hao phí.

3 sai, vì máy bơm nước không biến đổi hoàn toàn điện năng tiêu thụ thành động năng của dòng nước.

4 sai.

Chọn B.

Câu 16: Trọng lượng của một cái thùng là 8500N. Khối lượng của nó là bao nhiêu?



- A. 8500kg B. 850kg C. 850N D. 8500N

Lời giải chi tiết:

Trọng lượng và khối lượng liên kết với nhau theo công thức: $P = mg$

$$P = 8500\text{N} \Rightarrow m = P/10 = 8500 : 10 = 850\text{kg}.$$

Chọn B.

Câu 17: Những loài nấm độc có điểm đặc trưng nào sau đây?

- A. Tỏa ra mùi hương quyến rũ. B. Thường sống quanh các gốc cây.
C. Có màu sắc sặc sỡ. D. Có kích thước rất lớn.

Phương pháp giải:

Nấm độc thường có màu sắc sặc sỡ.

Lời giải chi tiết:

Chọn C.

Câu 18: Cách sử dụng đèn thấp sáng nào dưới đây không tiết kiệm điện năng?

- A. Bật đèn cả khi phòng có đủ ánh sáng tự nhiên chiếu vào.
B. Tắt đèn khi ra khỏi phòng quá 15 phút.
C. Dùng bóng đèn compact thay cho bóng đèn dây tóc.
D. Chỉ bật bóng đèn đủ sáng gần nơi sử dụng.

Lời giải chi tiết:

Bật đèn cả khi phòng có đủ ánh sáng tự nhiên chiếu vào là lãng phí, không tiết kiệm năng lượng.

Chọn A.

Câu 19: Đặc điểm nào sau đây sai khi nói về nhóm Hạt kín?

- A. Mọc khắp nơi, cả trên cạn và dưới nước, ở vùng núi cao hoặc nơi có tuyết phủ.
B. Nhiều cây Hạt kín có kích thước rất lớn như cây bao báp ở Châu Phi.

C. Cơ quan sinh sản gồm có nón đực và nón cái.

D. Hạt đực bao kín trong quả.

Lời giải chi tiết:

Cơ quan sinh sản của thực vật Hạt kín là hoa.

Chọn C.

Câu 20: Đặc điểm nào dưới đây nói về virus là sai?

A. Không có cấu tạo tế bào.

B. Chỉ nhân lên khi sống ngoài môi trường.

C. Có cấu tạo đơn giản.

D. Hầu hết quan sát dưới kính hiển vi điện tử.

Lời giải chi tiết:

Virus chỉ nhân lên khi sống kí sinh trong vật chủ.

Chọn B.